VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

- Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017.

- Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020 (Sau đây gọi là Thông tư số 81/2020/TT-BTC).

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Thông tư số 81/2020/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.[2]

---

[2] Thông tư số 81/2020/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Các nội dung về tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu ngân sách nhà nước; quy trình, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi ngân sách; cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; cơ chế quản lý vốn vay nợ, viện trợ; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; quản lý ngân sách cấp xã; công khai ngân sách nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan có văn bản hướng dẫn riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước và Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước."

2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao;

3. Các đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Chương II
PHÂN CẤP QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách trung ương

1. Các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu;

b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước;

d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;

đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, lãi được chia cho nước chủ nhà, các loại phí, tiền cho thuê mặt nước, các khoản thuế, phí và thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

e) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho Chính phủ Việt Nam;

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước trung ương thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập trung ương và doanh nghiệp nhà nước trung ương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

h) Lệ phí do các cơ quan nhà nước trung ương thu, không kể lệ phí môn bài quy định tại điểm g và lệ phí trước bạ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu hoặc doanh nghiệp mà có vốn của trung ương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc trung ương quản lý;

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách trung ương đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách trung ương được hưởng theo quy định của pháp luật;

o) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của trung ương;

p) Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

q) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương;

r) Thu kết dư ngân sách trung ương;

s) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của ngân sách trung ương;

t) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

a) Thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí; không kể thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (kể cả thuế thu nhập từ chuyển nhượng vốn trong hoạt động dầu, khí); không kể thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

c) Thuế thu nhập cá nhân;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

đ) Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

Đối với thuế bảo vệ môi trường thu từ xăng dầu sản xuất trong nước, việc xác định số thu phát sinh căn cứ vào sản lượng do doanh nghiệp đầu mối bán ra trên thị trường và tỷ trọng tổng sản lượng xăng dầu sản xuất trong nước và tổng sản lượng xăng dầu nhập khẩu. Hằng năm, Bộ Tài chính xác định tỷ trọng này.

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi dự trữ quốc gia.

3. Chi thường xuyên của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực:

a) Quốc phòng theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) An ninh và trật tự an toàn xã hội theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

c) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm hoạt động đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp; hoạt động các trường phổ thông dân tộc nội trú và các hình thức giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng khác;

d) Sự nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, ứng dụng và triển khai, chuyển giao ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn và các ngành khoa học khác;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác;

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử, lưu trữ lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác;

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn;

h) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển quốc gia; các giải thi đấu quốc gia và quốc tế; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

k) Các hoạt động kinh tế, gồm:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không và hoạt động giao thông khác;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ; đo đạc địa giới hành chính, cắm mốc biên giới và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; chi hoạt động nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia do Nhà nước thực hiện;

Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động;

l) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm:

Hoạt động của Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương; hệ thống Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước; hoạt động của cơ quan trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc trung ương quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm bảo đảm thực hiện các chế độ đối với người về hưu, mất sức lao động, người hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp khác do ngân sách trung ương bảo đảm; các chính sách và hoạt động chăm sóc người có công với cách mạng; các chính sách và hoạt động cứu trợ xã hội; hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ; chi phòng chống tệ nạn xã hội, các hoạt động xã hội khác do ngân sách trung ương bảo đảm theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

4. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản vay của Chính phủ.

5. Chi viện trợ.

6. Chi cho vay theo quy định của pháp luật.

7. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương.

8. Chi chuyển nguồn của ngân sách trung ương sang năm sau.

9. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách địa phương

1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

a) Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

d) Tiền sử dụng đất;

đ) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước, không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;

e) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

g) Lệ phí môn bài;

h) Lệ phí trước bạ;

i) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

k) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế theo quy định; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đại diện chủ sở hữu;

l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương;

n) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoản chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập địa phương và doanh nghiệp nhà nước địa phương thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

o) Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu;

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

s) Tiền sử dụng khu vực biển đối với khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương;

t) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

u) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

v) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

x) Thu kết dư ngân sách địa phương;

y) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm cả thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; thu tiền bồi thường cho nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai; thu ngân sách cấp dưới nộp lên.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do địa phương quản lý theo các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, bao gồm hoạt động giáo dục tiểu học, phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác;

b) Nghiên cứu khoa học, bao gồm các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định riêng của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, bao gồm hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do

ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật bảo hiểm y tế; vệ sinh an toàn thực phẩm; dân số và gia đình; các hoạt động y tế khác;

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, bao gồm bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử, lưu trữ lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác;

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

g) Sự nghiệp thể dục thể thao, bao gồm bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp huyện, cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, bao gồm hoạt động điều tra, phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường; khắc phục sự cố và bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường khác;

i) Các hoạt động kinh tế:

Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động giao thông khác;

Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch;

Sự nghiệp kiến thiết thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên và các hoạt động kiến thiết thị chính khác;

Các hoạt động kinh tế khác, bao gồm cả tìm kiếm cứu nạn, an toàn vệ sinh lao động;

k) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm:

Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở địa phương;

Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

l) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm các trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách địa phương.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 7. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương

1. Việc phân cấp nguồn thu giữa ngân sách các cấp ở địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật ngân sách nhà nước, Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các yêu cầu sau:

a) Gắn với nhiệm vụ và khả năng quản lý của từng cấp, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, chống thất thu. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó;

b) Hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ;

c) Bảo đảm tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu cho ngân sách cấp mình và ngân sách các cấp dưới không được vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) phân chia theo quy định của cấp trên đối với từng khoản thu được phân chia.

2. Việc phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương phải bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 39 Luật ngân sách nhà nước và Điều 17 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trong thời kỳ ổn định ngân sách:

a) Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách;

b) Hằng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;

c) Các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu hằng năm mà ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp để tăng chi thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đối với số tăng thu so với dự toán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn, thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này và thực hiện bổ

sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 40 Luật ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào nguồn thu và nhiệm vụ chi được phân cấp, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và mức bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên, chế độ thu, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu, chi ngân sách và chủ động quản lý, điều hành dự toán thu, chi ngân sách đã được Hội đồng nhân dân quyết định.

Điều 8. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách

1. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định riêng cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và áp dụng chung đối với tất cả các khoản thu phân chia trên địa bàn;

b) Công thức xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương như sau:

Tổng số chi ngân sách địa phương được xác định căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước theo nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội (gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) cho năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách (sau đây gọi tắt là A);

Tổng số các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% được xác định trên cơ sở khả năng thu, không kể thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất, số bổ sung từ ngân sách cấp trên, thu kết dư, thu từ đóng góp tự nguyện, thu viện trợ, thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước (sau đây gọi tắt là B);

Tổng số các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được xác định trên cơ sở khả năng thu (sau đây gọi tắt là C);

Trường hợp nếu A - B < C thì tỷ lệ phần trăm (%) phân chia được tính theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ phần trăm (\%)} = \frac{A - B}{C} \times 100\%$$

Trường hợp nếu A - B ≥ C thì tỷ lệ phần trăm (%) được xác định bằng 100% và phần chênh lệch (nếu có) sẽ được ngân sách trung ương bổ sung để cân đối ngân sách địa phương. Việc xác định số bổ sung cân đối ngân sách cho từng địa phương được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

2. Xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

a) Các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương gồm:

Các khoản thu về thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác ngân sách địa phương hưởng 100% theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

Các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này;

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và ngân sách từng xã, phường, thị trấn. Việc quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách từng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và ngân sách từng xã, phường, thị trấn có thể áp dụng cho từng khoản thu cụ thể.

Điều 9. Xác định số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

1. Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới:

a) Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo công thức:

Số bổ sung cân đối = A - (B + C)

Trong đó A, B, C được xác định theo nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Thông tư này; C là các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, phần ngân sách địa phương được hưởng đã mở rộng đến 100%.

b) Số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương được xác định theo nguyên tắc xác định số chênh lệch giữa số chi và số thu ngân sách các cấp dưới, gồm từ các khoản thu được hưởng 100% và phần được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) từ các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách chính quyền địa phương;

c) Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách cấp trên, cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

2. Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách; khả năng cân đối của ngân sách cấp trên và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương cấp dưới, để hỗ trợ ngân sách cấp dưới trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện các chính sách, chế độ mới do cấp trên ban hành chưa được bố trí trong dự toán ngân sách của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan;

b) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu, chương trình, dự án khác của cấp trên, phần giao cho cấp dưới thực hiện; mức hỗ trợ cụ thể theo dự toán chi được cấp có thẩm quyền giao;

c) Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh trên diện rộng vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính của địa phương theo quy định nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu;

d) Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, công trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nằm trong quy hoạch và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng. Mức hỗ trợ được xác định cụ thể cho từng chương trình, dự án. Tổng mức hỗ trợ vốn đầu tư phát triển hằng năm của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương quy định tại điểm này tối đa không vượt quá 30% tổng chi đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách trung ương;

đ) Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới được xác định hàng năm. Việc sử dụng vốn, kinh phí bổ sung có mục tiêu phải theo đúng mục tiêu quy định. Trường hợp ngân sách cấp dưới sử dụng không đúng mục tiêu hoặc sử dụng không hết, phải hoàn trả ngân sách cấp trên.

Chương III
LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HẰNG NĂM

Điều 10. Hướng dẫn lập dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán ngân sách nhà nước

1. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn về lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu

tư công, dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau.

Thời gian hướng dẫn lập dự toán ngân sách nhà nước và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn xây dựng dự toán và thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau cho các đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới bảo đảm phù hợp với số kiểm tra cả về tổng mức và chi tiết các lĩnh vực thu, chi ngân sách của cơ quan có thẩm quyền thông báo theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước

1. Việc lập dự toán ngân sách nhà nước phải bảo đảm các nguyên tắc về cân đối ngân sách nhà nước, các căn cứ, yêu cầu theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

2. Lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tại các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ:

a) Các đơn vị sử dụng ngân sách, chủ đầu tư và các tổ chức được ngân sách hỗ trợ lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều 23 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng; xem xét và tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, chi dự trữ quốc gia, chi viện trợ (nếu có), chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tới Bộ Tài

chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (đối với phần dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu).

Căn cứ vào đặc điểm của đơn vị và quy định về thời gian gửi dự toán ngân sách quy định tại điểm này, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương quy định thời gian lập và gửi báo cáo đối với các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc cho phù hợp;

c) Các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách trực tiếp quản lý, sử dụng; xem xét và tổng hợp dự toán do các đơn vị trực thuộc lập, gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, chi tiết từng cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tới cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp.

Thời gian gửi báo cáo của các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, bảo đảm thời gian tổng hợp, gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.

3. Các Cục Thuế, Cục Hải quan lập dự toán thu ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

4. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí phải lập dự toán thu từng loại phí, lệ phí, chi tiết tổng số thu, số nộp ngân sách, số được khấu trừ và trích lại theo quy định của pháp luật, chi tiết từng loại phí, lệ phí và chi ngân sách của cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp tổng hợp, gửi đơn vị dự toán cấp I tổng hợp chung trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này.

5. Lập dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu:

a) Căn cứ số kiểm tra chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu do Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo; cơ quan quản lý chương

trình hướng dẫn mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình năm dự toán cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu (chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng nhiệm vụ, dự án) gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý chương trình trước ngày 20 tháng 7 hằng năm;

c) Trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo chính thức mức vốn, kinh phí cho từng chương trình năm dự toán;

d) Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu xây dựng phương án phân bổ vốn, kinh phí cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương và địa phương (chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng nhiệm vụ, dự án), gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

6. Các địa phương khi lập dự toán ngân sách địa phương ngoài việc thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này, còn thực hiện thêm như sau:

a) Đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách:

Căn cứ nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách ở địa phương để làm căn cứ cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới lập dự toán chi ngân sách, chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán

thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương, xác định số bổ sung cân đối ngân sách hoặc tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu ngân sách phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; xác định số bội thu, bội chi ngân sách địa phương, số chi trả nợ gốc và nguồn trả nợ gốc (nếu có); tổng mức vay, bao gồm vay trả nợ gốc và vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo các cơ quan theo quy định tại điểm d khoản này.

Cơ quan tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan thuế và các cơ quan liên quan tổ chức thảo luận dự toán với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp để xác định dự toán ngân sách năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách;

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách: Căn cứ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và dự toán của các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, lập dự toán thu, chi ngân sách địa phương chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, chi trả nợ lãi, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách; bội thu, bội chi ngân sách địa phương, số chi trả nợ gốc và nguồn chi trả nợ gốc (nếu có); tổng mức vay, bao gồm vay trả nợ gốc, vay để bù đắp bội chi ngân sách địa phương (nếu có), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo các cơ quan theo quy định tại điểm d khoản này.

Cơ quan tài chính cấp trên chỉ tổ chức thảo luận dự toán ngân sách với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp dưới;

c) Hằng năm, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương, hạn mức dư nợ vay theo quy định và nhu cầu vốn đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân cấp

tỉnh lập dự toán bội chi ngân sách và phương án vay, trả nợ của ngân sách cấp tỉnh, bao gồm các nội dung sau:

Dự toán bội chi ngân sách địa phương; dự kiến tổng mức vay trong năm (bao gồm vay bù đắp bội chi và vay để trả nợ gốc) chi tiết theo nguồn vay (vay từ nguồn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại theo đúng cam kết giải ngân, vay từ các nguồn trong nước khác), chi phí vay (lãi suất, phí và chi phí khác có liên quan); nhiệm vụ chi trả nợ đến hạn phát sinh trong năm dự toán (bao gồm trả nợ gốc, nợ lãi, phí và chi phí khác có liên quan); dự kiến nguồn trả nợ; cân đối ngân sách cấp tỉnh năm hiện hành, năm dự toán và khả năng trả nợ của ngân sách các năm tiếp theo; dư nợ vốn vay của địa phương đến ngày 31 tháng 12 năm trước và năm dự toán ngân sách không vượt mức dư nợ vay theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ; các tài liệu khác nhằm thuyết minh rõ phương án vay vốn.

Dự án đầu tư đề nghị sử dụng từ nguồn vốn vay phải nằm trong danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với các năm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn) hoặc dự kiến nằm trong danh mục đầu tư công trung hạn để trình cấp có thẩm quyền quyết định (đối với năm đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn) và bảo đảm thủ tục đầu tư theo quy định;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập dự toán ngân sách địa phương báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán ngân sách địa phương đến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu trước ngày 20 tháng 7 hằng năm;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc lập dự toán ngân sách các cấp ở địa phương hằng năm phù hợp với quy định về yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách địa phương.

7. Lập kế hoạch tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu, chi tài chính quỹ và nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp cùng với dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

b) Cơ quan dự toán cấp I tổng hợp nhu cầu hỗ trợ vốn điều lệ từ ngân sách (nếu có) vào dự toán ngân sách nhà nước và lập báo cáo riêng về kế hoạch thu, chi tài chính các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

c) Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập kế hoạch thu, chi tài chính quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp và nhu cầu hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, lập phương án phân bổ chi tiết dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương (bao gồm dự toán chi đầu tư phát triển từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) gửi Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 8 hằng năm.

9. Bộ Tài chính tổng hợp, lập dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 22 và Điều 26 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

10. Việc lập lại dự toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Biểu mẫu lập dự toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan thuế, cơ quan hải quan lập dự toán thu theo mẫu biểu số 01 đến mẫu biểu số 04 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách lập dự toán thu, chi ngân sách theo mẫu biểu số 05 đến mẫu biểu số 18 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu lập dự toán chi ngân sách thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo mẫu biểu số 11.2 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cơ quan bảo hiểm xã hội lập dự toán thu, chi theo mẫu biểu số 19 đến mẫu biểu số 22 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Các cơ quan nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán ngân sách, cơ quan bảo hiểm xã hội lập dự toán chi đầu tư phát triển theo mẫu biểu số 23 đến mẫu biểu số 27 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách theo mẫu biểu số 28 đến mẫu biểu số 35 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và hệ thống mẫu biểu quy định tại nghị định của Chính phủ về Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm.

7. Bộ Tài chính lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo hệ thống mẫu biểu quy định tại nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Chương IV
CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 13. Phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị dự toán ngân sách

1. Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới theo đúng quy định tại các khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp lập lại dự toán theo quy định tại Điều 48 Luật ngân sách nhà nước và Điều 27 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đơn vị dự toán cấp I ở trung ương và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách.

2. Đơn vị dự toán cấp I ở trung ương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu A phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi Bộ Tài chính (kèm theo các tài liệu thuyết minh cơ sở phân bổ, giao dự toán theo mẫu biểu số 36 đến mẫu biểu số 47 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này), Kho bạc Nhà nước và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

Cơ quan, đơn vị tổ chức theo ngành dọc được phân bổ đến đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp và ủy quyền cho đơn vị này phân bổ, giao dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; đồng thời báo cáo đơn vị dự toán cấp I để tổng hợp.

Đơn vị dự toán cấp I ở trung ương tổng hợp kết quả phân bổ gửi Bộ Tài chính và chịu trách nhiệm đối với dự toán ngân sách đã phân bổ và giao cho đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

3. Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc theo mẫu B, mẫu C phụ lục 2 (kèm theo mẫu biểu số 48 và mẫu biểu số 49 phụ lục 1) ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) để thực hiện.

Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ, giao dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra phân bổ giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương.

4. Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu thuyết minh căn cứ và báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cùng cấp phải thực hiện kiểm tra dự toán đơn vị dự toán cấp I đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách về tính chính xác, khớp đúng cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi với dự toán cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị dự toán cấp I:

a) Trường hợp phát hiện việc giao dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi của dự toán ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao hoặc không đúng chính sách, chế độ quy định, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán đã giao. Chậm nhất trong phạm vi 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại theo ý kiến của cơ quan tài chính và gửi quyết định giao dự toán điều chỉnh cho cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo quy định;

b) Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính, thì đơn vị dự toán cấp I báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đối với các đơn vị dự toán cấp I ở trung ương) và Ủy ban nhân dân (đối với các đơn vị dự toán cấp I ở địa phương) để xem xét, quyết định. Trong thời gian chờ quyết định của Thủ tướng

Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân, thì đơn vị không được phép chi đối với số dự toán chi ngân sách cơ quan tài chính yêu cầu điều chỉnh lại.

5. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I, ngân sách cấp dưới được giao bổ sung dự toán, thì chậm nhất trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày được giao bổ sung dự toán, đơn vị dự toán cấp I, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán theo quy định.

Điều 14. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã được giao

1. Việc điều chỉnh dự toán ngân sách trong quá trình chấp hành ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 Luật ngân sách nhà nước và khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp, gồm: căn cứ, nội dung nhiệm vụ, kinh phí điều chỉnh của từng nhiệm vụ theo từng lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

3. Trường hợp phát hiện việc điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I không đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật ngân sách nhà nước, trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh dự toán của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại dự toán cho phù hợp. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với yêu cầu của cơ quan tài chính, thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. Tổ chức thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 55 Luật ngân sách nhà nước và Điều 32 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Các khoản thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được hạch toán thu vào quỹ ngoại tệ của ngân sách nhà nước, đồng thời hạch toán thu ngân sách nhà nước bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.

Các khoản thu ngân sách bằng ngoại tệ phát sinh ở địa phương phải tập trung về Kho bạc Nhà nước (trung ương) theo quy định của Bộ Tài chính. Ngân sách các cấp ở địa phương không được thành lập quỹ ngoại tệ.

3. Bộ Tài chính có quy định riêng về tổ chức thu và hạch toán kế toán đối với các khoản thu, viện trợ không hoàn lại vào ngân sách nhà nước.

Điều 16. Quản lý, hạch toán vay của ngân sách nhà nước

1. Các khoản vay của ngân sách nhà nước được thực hiện trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định, quản lý, kế toán trên tài khoản của ngân sách các cấp tương ứng.

Trường hợp, dự toán ngân sách địa phương được giao có các khoản vay trong nước và vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại, trong quá trình thực hiện được phép giải ngân thêm nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, nhưng phải điều chỉnh giảm tương ứng số vay trong nước để bảo đảm tổng mức vay không vượt quá dự toán được giao.

2. Các khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán kế toán theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định. Định kỳ vào đầu tháng, Kho bạc Nhà nước thực hiện điều chỉnh lại số dư nợ bằng Đồng Việt Nam của các cấp ngân sách theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định; đồng thời, số phát sinh chênh lệch tăng, giảm (nếu có) tương ứng do đánh giá lại dư nợ được hạch toán, theo dõi riêng trên tài khoản chênh lệch tỷ giá (không hạch toán vào thu, chi ngân sách) để bảo đảm cân đối thu, chi ngân sách theo đúng tỷ giá đã hạch toán ngân sách tại thời điểm phát sinh khoản vay. Cuối năm, Kho bạc Nhà nước xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá để hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định.

3.[3] *Các khoản vay thông qua phát hành trái phiếu được hạch toán kế toán theo mệnh giá. Trường hợp có phát sinh chênh lệch giá bán trái phiếu so với mệnh giá*

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

và các khoản chiết khấu, chênh lệch mệnh giá của trái phiếu bị hoán đổi và trái phiếu được hoán đổi, chênh lệch giữa mệnh giá gốc trái phiếu được mua lại và giá mua lại, thì số chênh lệch được kế toán theo dõi trên tài khoản riêng; cuối năm, căn cứ vào số dư tài khoản riêng nói trên, trường hợp chênh lệch dương thì hạch toán vào thu của ngân sách, trường hợp chênh lệch âm được hạch toán vào chi của ngân sách.

Điều 17. Tổ chức chi ngân sách nhà nước

1. Chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 56 Luật ngân sách nhà nước và Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp vào đầu năm ngân sách, dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách chưa được Quốc hội, Hội đồng nhân dân quyết định, cơ quan tài chính và cơ quan Kho bạc Nhà nước các cấp theo chức năng thực hiện tạm cấp ngân sách theo quy định tại Điều 51 Luật ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán ngân sách không chấp hành đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, báo cáo tài chính khác theo quy định, cơ quan tài chính tạm đình chỉ hoặc yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ chi ngân sách, trừ các khoản chi: tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương, trợ cấp xã hội, học bổng và các khoản chi khác cho con người theo chế độ; chi nghiệp vụ phí và công vụ phí và một số khoản chi cần thiết khác để bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước (trừ các khoản mua sắm trang thiết bị, sửa chữa); chi bổ sung cân đối ngân sách cho ngân sách cấp dưới; chi cho dự án chuyển tiếp thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; chi các dự án đầu tư chuyển tiếp quan trọng, cấp bách khác để khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

Khi quyết định tạm đình chỉ chi ngân sách, cơ quan tài chính thông báo cho cơ quan quản lý cấp trên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị tạm đình chỉ chi biết.

4. Các khoản chi ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ được hạch toán kế toán theo nguyên tệ và Đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định.

Điều 18. Chi ngân sách theo hình thức rút dự toán từ Kho bạc Nhà nước

1. Thực hiện chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước đối với các nhiệm vụ chi:

a) Chi thường xuyên trong dự toán được giao của các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thường xuyên được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và các đơn vị được hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ thường xuyên theo quy định của pháp luật;

b) Chi viện trợ đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia;

c) Chi xúc tiến du lịch, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư (không bao gồm chi xúc tiến đầu tư quốc gia);

d) Chi đặt hàng sản xuất phim tài liệu và khoa học, phim hoạt hình, phim truyện điện ảnh theo chính sách của Nhà nước;

đ) Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

2. Chi bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút tối đa hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng thêm tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

Căn cứ khả năng nguồn thu và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp dưới, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định mức rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách hàng tháng cho ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, Sở Tài chính thực hiện rút dự toán

chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả ngân sách trung ương trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày rút dự toán.

Đối với bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ở địa phương, Ủy ban nhân dân cấp trên quy định việc rút dự toán của ngân sách cấp dưới phù hợp với thực tế ở địa phương và bảo đảm đúng mục tiêu theo quy định.

4. Định kỳ, chậm nhất vào ngày 15 tháng sau, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới của tháng trước.

Trường hợp phát hiện việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu của cơ quan tài chính không đúng quy định, Kho bạc Nhà nước có văn bản thông báo cho cơ quan tài chính biết, đồng thời tạm dừng việc rút dự toán chi bổ sung cân đối ngân sách, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

5. Bộ Tài chính có quy định riêng về quy trình chi, hồ sơ, thủ tục, hạch toán kế toán, kiểm soát chi theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước.

Điều 19. Chi ngân sách theo hình thức lệnh chi tiền

1. Thực hiện chi theo hình thức lệnh chi tiền đối với các nhiệm vụ:

a) Chi cho vay theo chính sách xã hội của Nhà nước và các chương trình, dự án khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chi chuyển kinh phí cho cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; kinh phí hỗ trợ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp;

c) Chi góp vốn cổ phần, đóng niên liễm cho các tổ chức tài chính quốc tế (trừ các khoản đã giao trong dự toán của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước);

d) Chi cấp vốn điều lệ và chi hỗ trợ cho các tổ chức tài chính Nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng đầu tư nhà nước và chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách;

e) Chi hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động công ích, quốc phòng;

g) Chi xúc tiến đầu tư quốc gia;

h) Chi hỗ trợ, đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không quan hệ thường xuyên với ngân sách;

i) Chi bổ sung dự trữ quốc gia và chi bảo quản hàng dự trữ quốc gia (đối với các hàng hóa được Nhà nước giao cho các doanh nghiệp dự trữ);

k) Chi chương trình mục tiêu Biển Đông - Hải đảo cho lĩnh vực quốc phòng, an ninh trên biển và hải đảo (phần kinh phí giao cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương thực hiện);

l) Chi thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt và các nhiệm vụ chi khác được cấp bằng hình thức lệnh chi tiền của cơ quan công an, quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

m) Chi bảo đảm hoạt động đối với cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

n)[4] *Chi trả nợ vay của ngân sách nhà nước (trừ các khoản thanh toán gốc, lãi, phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán trái phiếu Chính phủ);*

---

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

o) Chi viện trợ đột xuất của Nhà nước cho nước ngoài;

p) Chi hỗ trợ các địa phương khác và chi hỗ trợ các cơ quan, đơn vị của cấp trên theo quy định tại điểm a, b và điểm c khoản 9 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước;

q) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;

r) Các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách theo chế độ.

2. Quy trình chi theo hình thức lệnh chi tiền:

a) Căn cứ dự toán ngân sách được giao, hồ sơ, chứng từ theo chế độ quy định và yêu cầu của đơn vị sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính xem xét, kiểm tra, nếu đủ các điều kiện chi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật ngân sách nhà nước thì trong phạm vi 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chi của đơn vị, cơ quan tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước;

b) Trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của lệnh chi tiền, căn cứ nội dung trên lệnh chi tiền, thực hiện xuất quỹ ngân sách, chuyển tiền vào tài khoản hoặc chi bằng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng ngân sách. Trường hợp lệnh chi tiền không hợp lệ, hợp pháp, thì chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được lệnh chi tiền, Kho bạc Nhà nước phải thông báo cho cơ quan tài chính biết để xử lý.

Điều 20. Chi cho vay của ngân sách nhà nước

1. Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan tài chính chi bằng hình thức lệnh chi tiền để chuyển vốn cho cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc chuyển trực tiếp theo hợp đồng cho tổ chức được vay trong trường hợp cho vay trực tiếp.

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ cho vay hoặc cơ quan tài chính (trong trường hợp cho vay trực tiếp) có trách nhiệm quản lý, cho vay, thu hồi nợ gốc, lãi nộp vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Điều 21. Chi trả nợ vay của ngân sách nhà nước

1. Chi trả nợ của ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 35 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp nhu cầu chi trả nợ thực tế vượt tổng dự toán chi trả nợ của ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao, Bộ Tài chính (đối với ngân sách trung ương), Sở Tài chính (đối với ngân sách địa phương) tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Quy trình chi và hạch toán chi trả nợ của ngân sách trung ương:

a)[5] *Chi trả nợ trái phiếu Chính phủ: Căn cứ dự toán và yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Kho bạc Nhà nước thực hiện xuất quỹ ngân sách trung ương để thanh toán, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách trung ương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ việc phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán trái phiếu Chính phủ) theo quy định;*

b) Chi trả các khoản nợ vay trong nước khác: Căn cứ dự toán và yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách trung ương chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách trung ương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định;

c) Chi trả nợ vay ngoài nước: Trước ngày đến hạn trả nợ 07 ngày làm việc (trừ những trường hợp phải chờ thông báo của chủ nợ mới xác định được số phải thanh toán, chi trả), căn cứ dự toán và yêu cầu nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Bộ Tài chính lập lệnh chi tiền, kèm theo lịch trả nợ và các tài liệu có liên quan (nếu có) gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách trung ương chi trả, đồng

[5] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 81/2020/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách trung ương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định.

3. Quy trình chi và hạch toán chi trả nợ của ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán và nghĩa vụ trả nợ đến hạn, Sở Tài chính lập lệnh chi tiền gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện xuất quỹ ngân sách địa phương chi trả, đồng thời hạch toán giảm nợ vay (đối với các khoản trả nợ gốc) và hạch toán chi ngân sách địa phương (đối với các khoản trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ khoản vay) theo quy định.

Điều 22. Tổ chức điều hành ngân sách nhà nước

1. Việc điều hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật ngân sách nhà nước và Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Định kỳ hằng quý, cơ quan thu lập kế hoạch thu ngân sách quý, chi tiết theo khu vực kinh tế, sắc thuế và đối tượng thu, gửi cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 20 của tháng cuối quý trước.

3. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cả năm, kế hoạch thu và nhu cầu chi trong quý, cơ quan tài chính xây dựng kế hoạch điều hành ngân sách quý của ngân sách cấp mình, bảo đảm nguồn để thanh toán kịp thời các khoản chi ngân sách theo quy định.

Cơ quan tài chính gửi kế hoạch điều hành ngân sách quý đến Kho bạc Nhà nước cùng cấp chậm nhất ngày 30 của tháng cuối quý trước để phối hợp thực hiện.

4. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cả năm và kế hoạch điều hành ngân sách quý của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tổng hợp, xây dựng kế hoạch điều hành ngân quỹ theo quy định về chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu thanh toán, chi trả của ngân sách nhà nước.

5. Hằng ngày, Kho bạc Nhà nước báo cáo mức tồn quỹ ngân sách cho cơ quan tài chính cùng cấp.

6. Trường hợp quỹ ngân sách thiếu hụt tạm thời, cơ quan tài chính thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 23. Thưởng vượt dự toán thu ngân sách nhà nước

1. Thưởng vượt dự toán phần ngân sách trung ương được hưởng từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trừ tăng thu của ngân sách địa phương do phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách phải nộp về ngân sách trung ương theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật ngân sách nhà nước:

a) Nguyên tắc xét thưởng:

Tổng số thu của ngân sách trung ương phải tăng so với dự toán Quốc hội quyết định;

Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu. Tỷ lệ thưởng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách trung ương được hưởng, nhưng không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước;

Ví dụ 1:

Tổng dự toán thu ngân sách trung ương năm xét thưởng được Quốc hội quyết định là 1.000.000 tỷ đồng. Kết quả thực hiện đạt 1.200.000 tỷ đồng.

Tại tỉnh A, số thu (ngân sách trung ương) từ các khoản thu phân chia thực hiện năm trước là 500 tỷ đồng. Năm xét thưởng, dự toán thu ngân sách trung ương được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện đạt 600 tỷ đồng. Tỷ lệ thưởng trên số thu vượt dự toán giao theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ của tỉnh A là 30%. Mức thưởng cho tỉnh A xác định như sau:

Số thưởng theo tỷ lệ: (600 tỷ đồng - 550 tỷ đồng) x 30% = 15 tỷ đồng.

Số tăng thu so với thực hiện năm trước: 600 tỷ đồng - 500 tỷ đồng = 100 tỷ đồng.

Do số tăng thu so với thực hiện năm trước lớn hơn số tăng thu theo dự toán và tổng số thu ngân sách trung ương tăng so dự toán, nên mức thưởng thu vượt dự toán cho tỉnh A là không quá 15 tỷ đồng. Trường hợp kết quả thực hiện tổng thu ngân sách trung ương chỉ đạt hoặc thấp hơn 1.000.000 tỷ đồng, thì địa phương không được thưởng.

Ví dụ 2:

Vẫn như tổng dự toán ngân sách trung ương và số thu tại tỉnh A tại ví dụ 1, nếu kết quả thực hiện năm trước là 590 tỷ đồng; dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện 600 tỷ đồng.

Số thưởng theo tỷ lệ: (600 tỷ đồng - 550 tỷ đồng) x 30% = 15 tỷ đồng.

Số thưởng vượt thu so với thực hiện năm trước: 600 tỷ đồng - 590 tỷ đồng = 10 tỷ đồng.

Số được thưởng tối đa chỉ bằng mức tăng thu so với thực hiện năm trước là 10 tỷ đồng và tổng số thu ngân sách trung ương tăng so dự toán. Trường hợp kết quả thực hiện tổng thu ngân sách trung ương chỉ đạt hoặc thấp hơn 1.000.000 tỷ đồng, thì địa phương không được thưởng.

Ví dụ 3:

Vẫn như số thu của tỉnh A tại ví dụ 1, nếu kết quả thực hiện năm trước là 610 tỷ đồng, dự toán thu được giao là 550 tỷ đồng, kết quả thực hiện là 600 tỷ đồng.

Số thưởng theo tỷ lệ: (600 tỷ đồng - 550 tỷ đồng) x 30% = 15 tỷ đồng.

Số tăng thu so thực hiện năm trước: 600 tỷ đồng - 610 tỷ đồng = - 10 tỷ đồng.

Địa phương không được thưởng vì số thu không tăng so thực hiện năm trước.

b) Căn cứ kết quả thu ngân sách đến thời điểm 31 tháng 12, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổng hợp số thực

nộp ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định, lập báo cáo có xác nhận của Kho bạc Nhà nước, gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 01 năm sau làm cơ sở xét thưởng;

c) Bộ Tài chính tổng hợp, lập phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách trung ương trình Chính phủ, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước;

d) Các địa phương sử dụng tiền thưởng vượt thu theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước và khoản 8 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc thưởng vượt dự toán thu các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương, thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 59 Luật ngân sách nhà nước và khoản 6 Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 24. Chế độ báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Việc báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật ngân sách nhà nước và Điều 41 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo:

a) Cơ quan thuế và cơ quan hải quan các cấp định kỳ 15 ngày, hằng tháng, hằng quý báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 53 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị dự toán cấp I định kỳ hằng quý báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 54 phụ lục 1 ban hành

kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định kỳ hằng tháng, hằng quý báo cáo Bộ Tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 55 đến mẫu biểu số 57 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bộ Tài chính định kỳ hằng tháng báo cáo Chính phủ về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo mẫu biểu số 50 đến mẫu biểu số 52 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; báo cáo các cơ quan có liên quan khác về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

đ) Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp tình hình thực hiện ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước;

e) Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội việc điều chỉnh dự toán, phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương và tình hình thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước;

g) Bộ Tài chính có quy định riêng về thời hạn và mẫu biểu Kho bạc Nhà nước định kỳ báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước;

h) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thời hạn và mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 60 Luật ngân sách nhà nước.

Chương V
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 25. Khóa sổ kế toán

1. Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan đến thu, chi ngân sách thực hiện khóa sổ kế toán theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện các nội dung sau:

a) Rà soát, thực hiện nộp các khoản phải nộp ngân sách nhưng chưa nộp vào ngân sách nhà nước. Trường hợp chưa kịp làm thủ tục nộp vào ngân sách năm hiện hành mà chuyển nộp vào ngân sách năm sau, thì hạch toán và quyết toán vào thu ngân sách năm sau;

b) Rà soát để xử lý đối với dự toán còn lại chưa chi, số dư tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước, dư tạm ứng và tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị để chủ động chi tiêu, thanh toán tạm ứng trong năm;

c) Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước mà chế độ quy định thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước thì phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan thu cùng cấp thực hiện đối chiếu số thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn và số thu, chi ngân sách các cấp thuộc phạm vi quản lý bảo đảm khớp đúng cả về tổng số và chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước trước khi lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Cơ quan tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước cùng cấp thực hiện đối chiếu các khoản thu, chi ngân sách nhà nước từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 và các khoản được hạch toán vào ngân sách trong thời gian chỉnh lý quyết toán bảo đảm các khoản thu, chi ngân sách nhà nước được hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 26. Xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm

1. Việc xử lý thu, chi ngân sách nhà nước cuối năm được thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật ngân sách nhà nước và Điều 42 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời hạn chi, tạm ứng và hạch toán các khoản thu, chi ngân sách:

a) Thời hạn chi, tạm ứng ngân sách (kể cả tạm ứng vốn đầu tư xây dựng cơ bản) đối với các nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được thực hiện chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ rút dự toán chi ngân sách, tạm ứng ngân sách đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 12;

b) Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng, công việc đã thực hiện từ ngày 31 tháng 12 trở về trước được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm trước. Thời hạn đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) gửi hồ sơ, chứng từ chi ngân sách (kể cả thanh toán các khoản tạm ứng) theo chế độ quy định đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch chậm nhất đến hết ngày 25 tháng 01 năm sau.

3. Số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp đến hết ngày 31 tháng 12 được xử lý như sau:

a) Số dư tài khoản tiền gửi ngân sách cấp của đơn vị dự toán ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước đến cuối ngày 31 tháng 12 được tiếp tục thanh toán theo quy định trong thời gian chỉnh lý quyết toán. Đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán mà vẫn còn dư, thì phải nộp trả ngân sách nhà nước; trừ trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch và chi tiết theo Loại, Khoản, Mục, Tiểu mục số tiền còn dư theo mẫu biểu số 58 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này để làm căn cứ hạch toán chuyển số dư sang năm sau. Căn cứ kết quả đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi, Kho bạc Nhà nước thực

hiện hạch toán giảm chi (nếu đã hạch toán chi) hoặc hạch toán giảm tạm ứng (nếu đã hạch toán tạm ứng) ngân sách năm trước, tăng số đã cấp ngân sách năm sau; đồng thời thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tài khoản tiền gửi được chuyển sang ngân sách năm sau) sang dự toán ngân sách năm sau.

Kho bạc Nhà nước lập báo cáo chi tiết việc xử lý số dư tài khoản tiền gửi khi kết thúc năm ngân sách theo đơn vị dự toán cấp I, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Trường hợp được phép sử dụng tiếp số dư tài khoản tiền gửi, sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định;

b) Số dư tài khoản tiền gửi quy định tại điểm a khoản này không sử dụng tiếp phải nộp lại ngân sách nhà nước. Đơn vị sử dụng ngân sách gửi báo cáo chi tiết số dư theo Mục lục ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch trước ngày 10 tháng 02 năm sau để phối hợp thực hiện nộp lại ngân sách và hạch toán giảm chi hoặc giảm tạm ứng ngân sách;

c) Số dư tài khoản tiền gửi của ngân sách cấp xã (nếu có) được chuyển sang ngân sách năm sau sử dụng theo chế độ quy định.

4. Dự toán ngân sách giao cho đơn vị, dự án, công trình đến hết ngày ngày 31 tháng 01 năm sau chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết (gọi là số dư dự toán) bị hủy bỏ; trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Việc chuyển số dư dự toán sang ngân sách năm sau chi tiếp thực hiện như sau:

a) Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách đối chiếu số dư dự toán với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo mẫu biểu số 59 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ quy định về chuyển nguồn ngân sách (thời hạn được chi, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao và điều kiện được chuyển nguồn của các khoản chi), Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu, xác nhận dự toán đã sử dụng, dự

toán chưa sử dụng cho đơn vị và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định;

c) Kho bạc Nhà nước lập báo cáo số dư dự toán được chuyển sang ngân sách năm sau của đơn vị dự toán cấp I, chi tiết theo từng nhiệm vụ của từng đơn vị sử dụng ngân sách, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

5. Các khoản tạm ứng trong dự toán theo chế độ đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau chưa đủ thủ tục thanh toán (gọi là số dư tạm ứng) phải nộp lại ngân sách, trừ các trường hợp được chuyển sang ngân sách năm sau chi tiếp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Việc chuyển số tạm ứng sang ngân sách năm sau chi tiếp hoặc nộp lại ngân sách được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất đến hết ngày 10 tháng 02 năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách (gồm cả chủ đầu tư) đối chiếu số dư tạm ứng với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch theo mẫu biểu số 59 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ quy định về chuyển nguồn ngân sách (thời hạn được chi, nội dung dự toán cấp có thẩm quyền giao và điều kiện được chuyển nguồn của các khoản chi), Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch đối chiếu, xác nhận số dư tạm ứng chưa thanh toán cho đơn vị và thực hiện chuyển số dư dự toán ngân sách năm trước (tương ứng với số dư tạm ứng) sang dự toán ngân sách năm sau theo quy định.

Kho bạc Nhà nước lập báo cáo chi tiết theo đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi. Khi sử dụng sẽ hạch toán, quyết toán vào ngân sách năm sau theo chế độ quy định;

c) Số dư tạm ứng còn lại không được chuyển nguồn sang năm sau, đơn vị sử dụng ngân sách phải nộp lại ngân sách trước ngày 10 tháng 02 năm sau. Sau ngày 10 tháng 02 năm sau nếu chưa nộp, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch thu hồi bằng cách chuyển số tạm ứng này sang tạm ứng năm sau trong phạm vi dự toán được

giao năm sau có cùng nội dung với khoản thu hồi. Trường hợp dự toán năm sau không giao hoặc giao thấp hơn số phải thu hồi, Kho bạc Nhà nước thông báo cho cơ quan tài chính cùng cấp để xử lý.

Các khoản tạm ứng phải thu hồi (kể cả khoản đã chi ngân sách) mà chưa thu hồi được, thì Kho bạc Nhà nước hạch toán vào tài khoản tạm ứng để theo dõi; khi thu hồi sẽ hạch toán giảm số tạm ứng, không hạch toán vào thu ngân sách nhà nước.

6. Các chương trình, đề tài, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép có thời gian thực hiện trên 12 tháng, thì việc quyết toán được thực hiện theo khoản 4 Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và quy định sau:

a) Chương trình, đề tài, dự án được quản lý theo chế độ quy định về chi thường xuyên thì quyết toán theo chế độ quy định về chi thường xuyên;

b) Chương trình, đề tài, dự án được quản lý theo chế độ quy định về chi đầu tư xây dựng cơ bản thì quyết toán theo chế độ quy định về chi đầu tư xây dựng cơ bản;

c) Số kinh phí đã quyết toán theo niên độ ngân sách hằng năm được theo dõi và lũy kế hằng năm làm cơ sở quyết toán chương trình, đề tài, dự án khi hoàn thành theo quy định.

7. Cơ quan tài chính thực hiện chi chuyển nguồn ngân sách từ năm trước sang năm sau và quyết toán chi theo niên độ ngân sách:

a) Số chi chuyển nguồn sang năm sau chi tiếp theo quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều này;

b) Khoản tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách đã có phương án sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

c) Căn cứ các nhiệm vụ và tổng số kinh phí được chuyển sang ngân sách năm sau theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan tài chính, Ủy ban

nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để Kho bạc Nhà nước hạch toán thu, chi chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

8. Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước mà chế độ quy định thực hiện hạch toán ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước thực hiện như sau:

a) Các đơn vị dự toán cấp I gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất trước ngày 25 tháng 01 năm sau; cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 01 năm sau. Số ghi chi vào ngân sách nhà nước là số đã thực chi theo chế độ quy định, số ghi thu vào ngân sách nhà nước phải tương ứng với số ghi chi. Số thu chưa ghi thu vào ngân sách nhà nước, được tiếp tục theo dõi quản lý để ghi thu vào ngân sách nhà nước khi đơn vị đã thực chi theo chế độ quy định;

b) Vốn vay nợ, viện trợ ngoài nước trực tiếp cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải làm thủ tục ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước theo chế độ quy định; các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 01 năm sau. Trường hợp bổ sung cho ngân sách cấp dưới phải hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi gửi Kho bạc Nhà nước chậm nhất hết ngày 15 tháng 01 năm sau đối với ngân sách trung ương, hết ngày 20 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp tỉnh, hết ngày 25 tháng 01 năm sau đối với ngân sách cấp huyện;

c) Các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách vào ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

Điều 27. Xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 Luật ngân sách nhà nước.

2. Xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước

a) Sau khi nhận được báo cáo quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới, thủ trưởng đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xét

duyệt quyết toán và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán cho đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới. Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo xét duyệt quyết toán, đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới phải thực hiện đầy đủ nội dung trong thông báo xét duyệt quyết toán.

Trường hợp đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới không thống nhất với nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp trên, thì phải có văn bản gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên trực tiếp của đơn vị dự toán ngân sách xét duyệt quyết toán ngân sách để xem xét, quyết định.

Trường hợp đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới không thống nhất với nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán cấp I, thì phải có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp với đơn vị dự toán cấp I để xem xét, quyết định.

Trong khi chờ quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới phải chấp hành đầy đủ theo nội dung thông báo xét duyệt quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp trên;

b) Đơn vị dự toán cấp I có trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập báo cáo quyết toán ngân sách (gồm đơn vị mình và đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc), gửi cơ quan tài chính cùng cấp;

c) Bộ Tài chính trong thời gian tối đa 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương, có trách nhiệm thẩm định quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể thời gian thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính cho các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương, nhưng phải bảo đảm thời hạn báo cáo quyết toán ngân sách địa phương theo quy định của Điều 69 Luật ngân sách nhà nước và Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong phạm vi 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp I phải thực hiện đầy đủ các nội dung trong thông báo thẩm định quyết toán ngân sách của cơ quan tài chính. Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không thống nhất với nội dung thông báo thẩm định của cơ quan tài chính, thì phải có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ (nếu là đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách thuộc trung ương) hoặc Ủy ban nhân dân cùng cấp (nếu là đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp chính quyền địa phương) để xem xét, quyết định.

Trong khi chờ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp, thì đơn vị dự toán cấp I phải chấp hành đầy đủ theo nội dung thẩm định của cơ quan tài chính.

3. Xử lý sai phạm được phát hiện trong quá trình xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước:

a) Khi xét duyệt, thẩm định, thanh tra, kiểm toán, tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, nếu phát hiện các khoản chi sai chế độ hoặc không đủ điều kiện quyết toán, thì xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý như sau: Nếu chi sai thì phải thu hồi đủ cho ngân sách; nếu chưa đủ điều kiện quyết toán thì phải hoàn chỉnh thủ tục quyết toán theo quy định;

b) Các đơn vị dự toán ngân sách, các địa phương được thanh tra, kiểm toán phải thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên, đơn vị dự toán cấp I tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp. Cơ quan tài chính tổng hợp kết quả thực hiện các kiến nghị của cơ quan thanh tra, Kiểm toán Nhà nước, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp. Các kiến nghị, kết luận của thanh tra, Kiểm toán Nhà nước được thực hiện sau ngày 15 tháng 11 năm sau đối với quyết toán ngân sách nhà nước năm trước, thì hạch toán vào năm ngân sách tại thời điểm xử lý theo chế độ quy định;

c) Đơn vị dự toán cấp I tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tài chính cấp dưới tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp gửi cơ quan tài chính cấp trên theo mẫu biểu số 69 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Trong quá trình thẩm định, tổng hợp quyết toán ngân sách cấp dưới nếu phát hiện sai sót, sai phạm, thì cơ quan tài chính cấp trên xử lý và có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp dưới để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 67 Luật ngân sách nhà nước.

Điều 28. Xử lý kết dư ngân sách từng cấp

1. Việc xử lý kết dư ngân sách thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước của Quốc hội, Hội đồng nhân dân để xử lý kết dư ngân sách (nếu có), cơ quan tài chính cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với ngân sách cấp xã) có văn bản gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để làm thủ tục hạch toán chuyển vào quỹ dự trữ tài chính, chi trả nợ, chuyển vào thu ngân sách năm sau theo chế độ quy định.

Điều 29. Kiểm tra, thanh tra, kiểm toán công tác kế toán, quyết toán ngân sách

1. Cơ quan tài chính, cơ quan thu ngân sách, cơ quan Kho bạc Nhà nước, đơn vị dự toán ngân sách các cấp theo chức năng nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra công tác kế toán thường xuyên, định kỳ đối với các đơn vị, cá nhân có nghĩa vụ thu nộp ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp. Trong quá trình kiểm tra công tác kế toán, xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách, nếu phát hiện các khoản thu của các tổ chức, cá nhân đã nộp ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật, thì phải hoàn trả từ

ngân sách nhà nước cho các tổ chức cá nhân và hạch toán giảm thu ngân sách. Những khoản chi không đúng chế độ quy định của pháp luật, thì phải thu hồi và hạch toán giảm chi ngân sách nhà nước. Trường hợp quyết toán ngân sách đã được Quốc hội, Hội đồng nhân dân phê chuẩn, thì hạch toán chi ngân sách (đối với khoản phải hoàn trả) hoặc thu ngân sách (đối với khoản phải thu hồi) vào ngân sách năm xử lý.

2. Việc kiểm toán, thanh tra quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách và ngân sách các cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước, thanh tra và Luật ngân sách nhà nước. Khi nhận được kiến nghị, kết luận của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Mẫu biểu quyết toán, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, gửi báo cáo quyết toán ngân sách theo quy định và theo mẫu biểu số 58 đến mẫu biểu số 70 phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư này.

2. Cơ quan trực tiếp quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách quyết toán thu, chi tài chính quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương gửi quyết toán về Bộ Tài chính 02 bản (trong đó gửi về Kho bạc Nhà nước 01 bản) và Kiểm toán Nhà nước 01 bản. Đối với báo cáo thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo Mục lục ngân sách nhà nước, gửi bằng files dữ liệu điện tử định dạng excel về địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu gửi file dữ liệu điện tử.

4. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lập báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách và báo cáo thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách

địa phương hằng năm theo mẫu biểu số 58 đến mẫu biểu số 70 phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gửi về Bộ Tài chính 02 bản (trong đó gửi về Kho bạc Nhà nước 01 bản) và Kiểm toán Nhà nước 01 bản; đồng thời, gửi files dữ liệu điện tử nội dung quy định tại khoản này và số liệu quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước về Bộ Tài chính theo địa chỉ email: tqtns@mof.gov.vn và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu gửi file dữ liệu điện tử.

5. Thời hạn gửi quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm của các đơn vị dự toán cấp I cho cơ quan tài chính cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp dưới cho cơ quan tài chính cấp trên thực hiện theo quy định tại Điều 69 và Điều 70 Luật ngân sách nhà nước và Điều 44 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp quá thời hạn quy định, mà cơ quan tài chính chưa nhận được báo cáo quyết toán ngân sách, thì cơ quan tài chính tạm đình chỉ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 3 Điều 17 của Thông tư này.

6. Cùng với việc báo cáo định kỳ hằng năm theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước quy định về báo cáo chi vốn đầu tư phát triển của Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp tình hình sử dụng kinh phí và kết quả xử lý các loại số dư theo các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn Kho bạc Nhà nước gửi các báo cáo trước ngày 15 tháng 3 năm sau (đối với ngân sách cấp xã, ngân sách cấp huyện), trước ngày 01 tháng 4 năm sau (đối với ngân sách cấp tỉnh, ngân sách trung ương).

7. Sau khi Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách, chậm nhất là 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp dưới gửi cơ quan tài chính cấp trên nghị quyết của Hội đồng nhân dân phê chuẩn quyết toán ngân sách. Trường hợp

quyết toán được Hội đồng nhân dân phê chuẩn có thay đổi so với báo cáo quyết toán của Ủy ban nhân dân đã gửi, cơ quan tài chính phải trình Ủy ban nhân dân gửi báo cáo bổ sung phần có thay đổi so với báo cáo đã gửi cơ quan tài chính cấp trên.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[6]

Điều 31. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với quyết toán ngân sách các năm 2015, 2016, áp dụng theo quy định của Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước, Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ và Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước và

---

[6] Điều 3 Thông tư số 81/2020/TT-BTC quy định như sau:

*"**Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2020.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./."

Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 48/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Phần thứ nhất	**Mẫu biểu lập dự toán thu ngân sách nhà nước**	
Mẫu biểu số 01:	Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước năm....	Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 02:	Tổng hợp dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế năm...	
Mẫu biểu số 03:	Dự kiến số thuế giá trị gia tăng phải hoàn năm....	
Mẫu biểu số 04:	Tổng hợp dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm...	Dùng cho cơ quan hải quan các cấp báo cáo: Cơ quan hải quan cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Phần thứ hai	**Mẫu biểu lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước**	
Mẫu biểu số 05:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho:

Mẫu biểu số 06:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm... chi tiết theo đơn vị trực thuộc	- Đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 07:	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách nhà nước từ các khoản phí và lệ phí năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 08:	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp - UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 09:	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn viện trợ và vốn đối ứng năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên

		- Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp - UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 10:	Dự toán chi bằng ngoại tệ năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 11.1:	Dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 11.2:	Dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu năm...	Dùng cho: - Các bộ, cơ quan trung ương và UBND các địa phương báo cáo cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

		- Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 12.1:	Dự toán thu, chi theo lĩnh vực sự nghiệp năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.2	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.3:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp

Mẫu biểu số 12.4:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 12.5:	Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực năm...	Dùng cho: - Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan quản lý cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 13.1:	Cơ sở tính chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 13.2:	Cơ sở tính chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình năm...	
Mẫu biểu số 13.3:	Cơ sở tính chi sự nghiệp khoa học và công nghệ năm...	
Mẫu biểu số 13.4:	Cơ sở tính chi sự nghiệp văn hóa thông tin năm...	
Mẫu biểu số 13.5:	Cơ sở tính chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn năm...	

Mẫu biểu số 13.6:	Cơ sở tính chi sự nghiệp thể dục thể thao năm...	
Mẫu biểu số 13.7:	Cơ sở tính chi sự nghiệp bảo vệ môi trường năm...	
Mẫu biểu số 13.8:	Cơ sở tính chi các hoạt động kinh tế năm...	
Mẫu biểu số 13.9:	Chi tiết chi các hoạt động kinh tế theo chương trình/dự án năm...	
Mẫu biểu số 13.10:	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội năm...	
Mẫu biểu số 13.11:	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm...	Dùng cho: - Cơ quan lao động - thương binh và xã hội các cấp để báo cáo cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp trên - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 13.12:	Cơ sở tính chi thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm...	Dùng cho cơ quan lao động - thương binh và xã hội báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 14:	Cơ sở tính chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 15.1:	Báo cáo biên chế - tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể năm...	
Mẫu biểu số 15.2:	Báo cáo lao động - tiền lương - nguồn kinh phí đảm bảo của các đơn vị sự nghiệp năm...	

Mẫu biểu số 16:	Cơ sở tính chi mua bổ sung hàng dự trữ quốc gia năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách ở trung ương báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 17:	Dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý năm...	Dùng cho đơn vị được giao nhiệm vụ huy động vốn để cho vay ưu đãi theo quy định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 18:	Kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm...	Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp
Phần thứ ba	**Mẫu biểu lập dự toán thu, chi của hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam**	
Mẫu biểu số 19:	Tổng hợp dự toán thu, chi các quỹ bảo hiểm năm...	Dùng cho: - Cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp báo cáo cơ quan bảo hiểm xã hội cấp trên
Mẫu biểu số 20:	Dự toán chi tiết thu, chi Quỹ bảo hiểm xã hội năm...	
Mẫu biểu số 21:	Dự toán chi tiết thu, chi Quỹ bảo hiểm y tế năm...	

Mẫu biểu số 22:	Dự toán chi tiết thu, chi Quỹ bảo hiểm thất nghiệp năm...	- Bảo hiểm xã hội Việt Nam báo cáo Bộ Tài chính
Phần thứ tư	**Mẫu biểu lập dự toán chi đầu tư phát triển**	
Mẫu biểu số 23:	Dự toán chi đầu tư nguồn NSNN (vốn trong nước) năm...	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp - UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Mẫu biểu số 24:	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát từ NSTW (không bao gồm vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm...	
Mẫu biểu số 25:	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo phương thức cấp phát (giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước) năm....	
Mẫu biểu số 26:	Dự toán chi đầu tư từ nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP (vốn trong nước) năm....	Dùng cho: - Đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên - Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 27:	Tổng hợp dự toán chi đầu tư phát triển năm...	Dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính và cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp

Phần thứ năm	**Mẫu biểu lập dự toán ngân sách địa phương**	
Mẫu biểu số 28:	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản năm...	Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 29.1:	Cân đối NSĐP năm... (dùng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)	
Mẫu biểu số 29.2:	Cân đối NSĐP năm... (dùng cho các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách)	
Mẫu biểu số 30:	Kế hoạch vay và trả nợ ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm...	
Mẫu biểu số 31:	Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm...	
Mẫu biểu số 32:	Biểu tổng hợp dự toán chi NSĐP năm....	
Mẫu biểu số 33:	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSĐP (vốn trong nước) năm... và dự kiến kế hoạch năm...	Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 34:	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư từ vốn ODA và vốn vay ưu đãi kế hoạch năm... và dự kiến kế hoạch năm....	

Mẫu biểu số 35:	Dự toán thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập năm...	
Phần thứ sáu	**Mẫu biểu phân bổ, thuyết minh phân bổ và chấp hành ngân sách nhà nước**	
1	***Mẫu biểu phân bổ, thuyết minh phân bổ***	
Mẫu biểu số 36:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính (kèm theo mẫu A phụ lục 2)
Mẫu biểu số 37:	Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	
Mẫu biểu số 38:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
Mẫu biểu số 39 *(gồm mẫu biểu số 39.1 và 39.2):*	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
Mẫu biểu số 40 *(gồm mẫu biểu số 40.1 và 40.2):*	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp y tế	
Mẫu biểu số 41:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin	

Mẫu biểu số 42:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
Mẫu biểu số 43:	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao	
Mẫu biểu số 44 *(gồm mẫu biểu số 44.1 và 44.2):*	Thuyết minh phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
Mẫu biểu số 45 *(gồm mẫu biểu số 45.1; 45.2 và 45.3):*	Thuyết minh phân bổ chi hoạt động kinh tế	
Mẫu biểu số 46 *(gồm mẫu biểu số 46.1; 46.2 và 46.3):*	Thuyết minh phân bổ chi quản lý hành chính	
Mẫu biểu số 47 *(gồm mẫu biểu số 47.1; 47.2 và 47.3)*	Thuyết minh phân bổ chi đảm bảo xã hội	
Mẫu biểu số 48:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho các Sở và cơ quan cấp tỉnh; Phòng và các cơ quan cấp huyện, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, kho bạc nhà nước (kèm theo mẫu B, C phụ lục 2)
Mẫu biểu số 49:	Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm...	

2	***Mẫu biểu cáo cáo chấp hành ngân sách nhà nước***	
Mẫu biểu số 50:	Tình hình cân đối NSNN tháng... năm....	Dùng cho Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ, các cơ quan liên quan
Mẫu biểu số 51:	Ước thực hiện thu NSNN tháng... năm....	
Mẫu biểu số 52:	Ước thực hiện chi NSNN tháng... năm....	
Mẫu biểu số 53:	Ước thực hiện thu NSNN tháng... năm....	Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan liên quan
Mẫu biểu số 54:	Thực hiện dự toán thu, chi NSNN quý... năm....	Dùng cho đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 55:	Tình hình cân đối NSĐP tháng... năm....	Dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Tài chính
Mẫu biểu số 56:	Ước thực hiện thu NSNN tháng... năm....	
Mẫu biểu số 57:	Ước thực hiện chi NSĐP tháng... năm....	
Phần thứ bảy	**Mẫu biểu báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước**	
Mẫu biểu số 58:	Số dư tài khoản tiền gửi kinh phí ngân sách cấp của đơn vị dự toán được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm... chuyển sang năm....	Dùng cho các đơn vị dự toán ngân sách thuộc ngân sách các cấp báo cáo cơ quan kho bạc nhà nước

Mẫu biểu số 59:	Tình hình thực hiện dự toán của các nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau của các đơn vị thuộc ngân sách các cấp năm... chuyển sang năm...	
Mẫu biểu số 60:	Cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm....	Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp
Mẫu biểu số 61:	Quyết toán thu NSNN, vay NSĐP năm...	
Mẫu biểu số 62:	Quyết toán chi ngân sách địa phương năm....	
Mẫu biểu số 63:	Quyết toán thu NSNN, vay NSĐP theo mục lục ngân sách nhà nước năm...	Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp
Mẫu biểu số 64:	Quyết toán chi, trả nợ NSĐP theo mục lục ngân sách nhà nước năm...	
Mẫu biểu số 65:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu theo mục lục ngân sách nhà nước năm....	
Mẫu biểu số 66:	Thuyết minh tăng, giảm chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể năm....	
Mẫu biểu số 67:	Thuyết minh chi khắc phục hậu quả thiên tai năm....	
Mẫu biểu số 68:	Thuyết minh tình hình sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu và thưởng vượt dự toán thu ngân sách năm....	

Mẫu biểu số 69:	Báo cáo tình hình kiểm toán, thanh tra năm....	- Đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp. - Dùng cho Ủy ban nhân dân báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp
Mẫu biểu số 70:	Báo cáo chi chuyển nguồn sang năm sau năm....	Dùng cho cơ quan tài chính báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp

Tên đơn vị:……. **Mẫu biểu số 01**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...

(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm…. (năm trước)	Năm... (năm hiện hành)		Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU NSNN				
I	**Thu nội địa**				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước				
	Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước				
	- Thuế tài nguyên				
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí				

1.2.	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước				
	Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước				
	- Thuế tài nguyên				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu từ nước ngoài				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí				
	- Thu từ khí thiên nhiên				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước				
	- Thuế tài nguyên				
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí				
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển				
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí				

3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	Trong đó: Thu từ hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước				
	- Thuế tài nguyên				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước				
6	Lệ phí trước bạ				
7	Các loại phí, lệ phí				
	Phí, lệ phí Trung ương				
	Phí, lệ phí tỉnh				
	Phí, lệ phí huyện				
	Phí, lệ phí xã				
	Trong đó: - Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản				
8	Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước, mặt biển				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				

	- Thu tiền sử dụng khu vực biển				
	Trong đó: + Thuộc thẩm quyền giao của trung ương				
	+ Thuộc thẩm quyền giao của địa phương				
	- Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất				
	Trong đó: + Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý				
	+ Tiền do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương quản lý				
	- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước sau khi bù đi các chi phí theo quy định				
	Trong đó: + Thu do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương xử lý				
	+ Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương xử lý				
	- Thu từ tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách				
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương				
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
	Trong đó: - Thu từ các mỏ do Trung ương cấp				
	- Thu từ các mỏ do địa phương cấp				

12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
13	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế				
	- Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý				
	- Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý				
II	**Thu từ dầu thô**				

.... ngày.... tháng... năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ……. **Mẫu biểu số 02**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM...

(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cung cấp)

STT	Nội dung	Dự toán năm……. (năm hiện hành)							Ước thực hiện năm... (năm hiện hành)							Dự toán năm... (năm kế hoạch)						
		Tổng số	Bao gồm						Tổng số	Bao gồm						Tổng Số	Bao gồm					
			Khu vực DNNN	khu vực DN có vốn ĐTNN	Khu vực kinh tế NQD	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XSKT	Các khoản thu khác		Khu vực DNNN	khu vực DN có vốn ĐTNN	Khu vực kinh tế NQD	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XSKT	Các khoản thu khác		Khu vực DNNN	khu vực DN có vốn ĐTNN	Khu vực kinh tế NQD	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XSKT	Các khoản thu khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG THU NSNN																					
I	**Các khoản thu từ thuế**																					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa																					

sản xuất kinh doanh trong nước	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước
	2	3

4	Thuế thu nhập doanh nghiệp																				
5	Thuế thu nhập cá nhân																				
6	Thuế tài nguyên																				
II	**Các khoản phí, lệ phí**																				
1	Lệ phí trước bạ																				
2	Các loại phí, lệ phí																				

III Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN	1 Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế

3	4	5
Thu tiền cho thuê đất, mặt nước, mặt biển	Thu tiền sử dụng đất	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

V	**Thu khác**																				
1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản																				
2	Thu bán tài sản nhà nước																				
3	Các khoản thu khác còn lại																				

...., ngày ... tháng ... năm ....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: ……. **Mẫu biểu số 03**

DỰ KIẾN SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI HOÀN NĂM....

(Dùng cho cơ quan thuế các cấp báo cáo: Cơ quan thuế cấp trên, UBND, cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	Tổng số				
1	Hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu				
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư:				
	- Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ các dự án đầu tư				
	- Dự án đầu tư mới của cơ sở kinh doanh đang hoạt động				
3	Hoàn thuế giá trị gia tăng khác				

……, ngày... tháng... năm….

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:……. **Mẫu biểu số 04**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU TỪ HOẠT ĐỘNG XNK NĂM……

(Dùng cho cơ quan hải quan các cấp báo cáo: Cơ quan hải quan cấp trên, UBND, cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
1	Thuế xuất khẩu				
2	Thuế nhập khẩu				
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu				
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu				

……, ngày.... tháng.... năm…..

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:... **Mẫu biểu số 05**

Chương:...

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM……

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại *(Chi tiết theo từng lĩnh vực chi)*				
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Khoa học và công nghệ				
-	……..				
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Chi đầu tư phát triển**				
1	Chi đầu tư các dự án, chương trình theo các lĩnh vực				
-	Quốc phòng				

-	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Khoa học và công nghệ				
-	Y tế, dân số và gia đình				
-	Văn hóa thông tin				
-	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Thể dục thể thao				
-	Bảo vệ môi trường				
-	Các hoạt động kinh tế				
-	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Bảo đảm xã hội				
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi dự trữ quốc gia**				
III	**Chi thường xuyên theo các lĩnh vực**				
1	Quốc phòng				
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				

3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
4	Khoa học và công nghệ				
5	Y tế, dân số và gia đình				
6	Văn hóa thông tin				
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				
8	Thể dục thể thao				
9	Bảo vệ môi trường				
10	Các hoạt động kinh tế				
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
12	Chi bảo đảm xã hội				
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật				
IV	**Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu**				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
-	Chi đầu tư phát triển				
-	Chi thường xuyên				
2	Chương trình mục tiêu				
-	Chi đầu tư phát triển				
-	Chi thường xuyên				

....., ngày... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:... **Mẫu biểu số 06**

Chương:...

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM... CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên tổng hợp dự toán của các đơn vị sử dụng ngân sách; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG SỐ		Đơn vị.....		Đơn vị....	
		Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
A	B	1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**						
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại *(Chi tiết theo từng lĩnh vực chi)*						
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						

-	Khoa học và công nghệ						
-	…….						
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**						
I	**Chi đầu tư phát triển**						
1	Chi đầu tư các dự án, chương trình theo các lĩnh vực						
-	Quốc phòng						
-	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Khoa học và công nghệ						
-	Y tế, dân số và gia đình						
-	Văn hóa thông tin						
-	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
-	Thể dục thể thao						
-	Bảo vệ môi trường						
-	Các hoạt động kinh tế						

-	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
-	Bảo đảm xã hội						
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương và địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo quy định						
3	Chi đầu tư phát triển khác						
II	**Chi dự trữ quốc gia**						
III	**Chi thường xuyên theo các lĩnh vực**						
1	Quốc phòng						
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						

4	Khoa học và công nghệ						
5	Y tế, dân số và gia đình						
6	Văn hóa thông tin						
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
8	Thể dục thể thao						
9	Bảo vệ môi trường						
10	Các hoạt động kinh tế						
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
12	Chi bảo đảm xã hội						
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						
IV	**Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu**						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
-	Chi đầu tư phát triển						
-	Chi thường xuyên						

2	Chương trình mục tiêu						
-	Chi đầu tư phát triển						
-	Chi thường xuyên						

.... ngày... tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:... **Mẫu biểu số 07**

Chương:...

DỰ TOÁN THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỪ CÁC KHOẢN PHÍ VÀ LỆ PHÍ NĂM...

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	**Số thu lệ phí** *(chi tiết tên từng loại lệ phí)*				
-	Lệ phí ……..				
-	Lệ phí …….				
	……..				
II	**Số thu phí**				
1	**Tổng số thu phí** *(chi tiết tên từng loại phí)*				
-	Phí …….				
-	Phí ……				
	…….				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại** *(chi tiết tên từng loại phí của từng lĩnh vực)*				
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Phí ……				
-	Phí ……				
	……..				

b	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
-	Phí ……				
-	Phí ……				
	……				
c	Chi....				
3	**Số phí nộp ngân sách nhà nước** *(chi tiết tên từng loại phí)*				
-	Phí ……				
-	Phí ……				
	……				
III	**Tổng số thu lệ phí, phí nộp ngân sách nhà nước (I + II.3)**				

....., ngày... tháng... năm....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 23 + 24)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng